

Bản án số: 03/2018/ST-DS

Ngày 29-11-2018

V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VX, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh P.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Trần Thị L.**

2. Bà: **Nông Thị T.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Doãn Khắc T** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V X, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VX tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Q** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VX, tỉnh H xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2018/TLST- DS ngày 14 tháng 6 năm 2018 về việc "*Tranh chấp HĐ vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1652/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Cháng Xín T** (Cháng Văn T); Nơi cư trú: Thôn Bản V, xã Hữu V, huyện Yên M, tỉnh H. Hôm nay có mặt.

2. *Bị đơn:* **Đào Văn D**; Nơi cư trú: Thôn Làng Kh, xã Đ, huyện VX, tỉnh H. Hôm nay có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập:*

- **Nhè Văn Á**; Nơi cư trú: Thôn Bản V, xã Hữu V, huyện Yên M, tỉnh H. Hôm nay có mặt.

4. *Người làm chứng:* **Cháu Văn T**; Nơi cư trú: Thôn Bản V, xã Hữu V, huyện Yên M, tỉnh H. Hôm nay vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn người khởi kiện đề ngày 01 tháng 6 năm 2018 của anh Cháng xín t (Cháng xín t) và bản tự khai, anh T trình bày:

Vào ngày 11/01/2017 tôi có cho ông Đào văn d, trú tại: thôn Làng K, xã Đ, huyện VX, tỉnh H vay số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), thời hạn vay 01 năm đến ngày 11/01/2018 ông Đào văn d phải có trách nhiệm thanh toán cho tôi số tiền trên, hai bên không có thỏa t về lãi suất, nhưng đến ngày 22/03/2018 tôi đến đòi thì ông D lại xin ra hạn và cam đoan sẽ trả cho tôi vào ngày 24/4/2018 nhưng

đến nay ông D vẫn không chịu trả tôi có đòi thì khất lần này đến lần khác, việc vay nợ giữa tôi và ông D có viết giấy vay tiền lập ngày 11/01/2017 có sự chứng kiến của anh Châu Văn T - sinh năm 1993 trú tại: thôn Bản V, xã Hữu V, huyện Yên M, tỉnh H. Do vậy tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án buộc ông D phải có trách nhiệm thanh toán cho tôi số tiền là 200.000.000đ, tôi không yêu cầu ông D phải trả lãi cho tôi.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/10/2018, và tại phiên tòa bị đơn anh Đào văn d trình bày:

Vào ngày 11/01/2017 anh Đào văn d có vay của anh Cháng xin t số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) không có thỏa t về lãi suất, hai bên có viết giấy vay tiền ghi ngày 11/01/2017, số tiền mà anh D vay của anh T thì anh D đã thanh toán trả cho anh T bằng hình thức trả theo yêu cầu của anh T chuyển vào số chứng minh thư của anh Nhè văn a tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Yên M, tỉnh H, anh D khai anh không quên biết gì với anh Nhè văn a, nay anh Tráng Xín T yêu cầu tôi phải trả 200.000.000đ tôi không nhất trí vì số tiền này tôi đã trả cho anh T qua số chứng minh thư tại Ngân hàng của anh A theo yêu cầu của anh T.

Tại phiên tòa anh D đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ vụ án để anh yêu cầu cơ quan có thẩm quyền điều tra vụ việc.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/9/2018, tại phiên tòa anh Nhè văn a là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai có nội dung:

Tôi và anh Đào văn d có quen biết nhau quan hệ bạn bè anh em, vào khoảng tháng 11/2016 tôi có cho anh D vay một khoản tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) vì anh D bảo có việc cần và chỉ vay trong thời gian ngắn vài ba tháng thì anh D sẽ trả cho tôi vì tin tưởng nên tôi đã cho anh D vay số tiền trên, đến ngày 11/5/2017 anh D mới chuyển trả cho tôi số tiền 200.000.000đ qua số chứng minh thư nhân dân tại ngân hàng và phát triển nông thôn huyện Yên M, tỉnh H, nay Tòa án huyện Vị Xuyên triệu tập tôi đến để làm việc vì số tiền trên không liên quan gì đến việc vay nợ của anh Cháng xin t, và tôi cũng không được anh T nhờ chuyển số tiền 200.000.000đ do anh D chuyển trả cho anh T qua số chứng minh thư của tôi, mà số tiền này là tiền vay nợ giữa tôi và anh Đào văn d, toàn bộ sự việc tôi vừa khai trên là đúng sự thật nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại biên bản ghi lời khai của người làm chứng Châu Văn T có nội dung:

Anh T và anh T là quan hệ bạn bè cùng xóm với nhau, còn đối với anh D thì anh T không quen biết chỉ biết anh D là người vay tiền anh T, đối với anh A thì chỉ biết anh A vì cùng xóm, việc anh T cho anh D vay tiền thì anh T biết và được chứng kiến, những lần làm giấy tờ vay mượn và làm lại giấy tờ tiền thì anh T đều đi cùng anh T và gặp anh D để ký vào giấy biên nhận vay tiền., giấy vay tiền ghi ngày 11/01/2017 thì anh T có được chứng kiến và ký nhận vào giấy vay tiền đó, còn mối quan hệ giữa anh D và anh A thì anh T không biết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất được các nội dung tranh chấp trong vụ án, mỗi bên vẫn giữ

nguyên quan điểm của mình. Do hòa giải không thành nên Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Phản tranh luận Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị của mình yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền cho mình là 200.000.000đ không tính lãi suất; Bị đơn không nhất trí trả số tiền gốc 200.000.000đ cho nguyên đơn, bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn thông qua số chứng minh thư của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nhè văn a; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nhè văn a không có ý kiến tranh luận với nguyên đơn, đối với bị đơn anh A vẫn giữ nguyên quan điểm của mình về số tiền 200.000.000đ mà bị đơn D trả qua số chứng minh thư của anh là tiền anh D Vay của anh, không phải số tiền này chuyển trả cho anh T. Ngoài ra các bên không tranh luận gì thêm.

ĐẠI DIỆN VKS THAM GIA PHIÊN TÒA PHÁT BIỂU QUAN ĐIỂM GIẢI QUYẾT VỤ ÁN:

*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 BLTTDS. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, theo quy định của pháp luật.

*** Về việc giải quyết nội dung vụ án:**

Sau khi xem xét toàn diện vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Đề nghị:

- Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “*Tranh chấp HĐ vay tài sản*” của anh Cháng xín t (Cháng Văn T).

Áp dụng: Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

khoản 1, 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Buộc anh Đào văn d phải trả cho anh Tráng Xin Chung (Cháng Văn Chung), trú tại: thôn Bản Vàng, xã Hữu Vinh, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang, số tiền là: 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).

+ Về án phí: Anh Đào văn d phải chịu 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) án phí DSST có giá ngạch. Trả lại cho anh Cháng xin t (Cháng Văn T) 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang,

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng: Anh Cháng xin t (Cháng Văn T) có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên giải quyết việc tranh chấp đòi tài sản đối với bị đơn anh Đào văn d thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Về thủ tục thụ lý vụ án quy định tại Điều 195; Nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán quy định tại Điều 197; Điều 198; Quyền, nghĩa vụ của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi nhận được thông báo quy định tại Điều 199; Thủ tục hòa giải và thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203, Điều 205 đến 211; Quyết định đưa vụ án ra xét xử quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, và các trình tự, thủ tục tố tụng khác Tòa án đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng Bộ luật dân sự: Ngày 11/01/2017 thời điểm mà các bên thực hiện giao dịch dân sự ngày mà BLDS 2015 đang có hiệu lực thi hành, vậy Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung: Vào ngày 11/01/2017 anh Cháng Xin T có cho anh Đào văn d vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay là 01 năm không có lãi suất, đến ngày 11/01/2018 là hạn trả nợ nhưng anh D chưa trả được nên ngày 22/03/2018 hai bên thỏa t gia hạn và anh D cam đoan sẽ trả cho anh T số tiền vay vào ngày 24/4/2018 nhưng đến nay anh D vẫn không chịu trả cho anh T, vậy anh T đã khởi ra Tòa yêu cầu anh D phải trả số tiền trên cho anh.

[3.1] Quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay anh Đào văn d cũng thừa nhận là có vay của anh T số tiền 200.000.000đ nhưng anh D đã trả cho anh T, hình thức trả là chuyển số tiền 200.000.000đ qua số chứng minh thư của anh Nhè văn a mà anh T nhờ để anh T lấy số tiền này từ anh A, thời gian anh D chuyển tiền qua số chứng minh thư của anh A là ngày 11/5/2017, anh D cho rằng anh không quen biết anh A, không biết anh A ở đâu; về phía anh T thì cho rằng anh không yêu cầu và không cung cấp số chứng minh nhân dân để anh D chuyển số tiền 200.000.000đ cho anh A, anh T cũng không trực tiếp nhờ anh A để anh D chuyển tiền vào; về phía anh A cho rằng anh D có chuyển số tiền 200.000.000đ

qua sổ chứng minh của anh vào ngày 11/5/2017 nhưng số tiền này là tiền mà anh D vay anh chứ không phải anh T bảo anh D chuyển vào để trả cho anh T.

[3.2] Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Việc anh T cho anh D vay số tiền 200.000.000đ là có thật được hai bên thừa nhận, không có tranh chấp về giấy vay tiền mà hai bên chỉ tranh chấp về việc trả tiền, do vậy anh D phải có trách nhiệm trả số tiền này cho anh T, phía anh D cho rằng anh đã trả số tiền vay của anh T qua sổ chứng minh thư của anh Nhè văn a theo yêu cầu của anh T, anh D cũng cho rằng không quen biết anh A là không có căn cứ, anh T không thừa nhận việc này vì anh không yêu cầu anh D trả tiền cho mình thông qua sổ chứng minh thư của anh A và anh T cũng không cung cấp sổ chứng minh thư của anh A cho anh D, bản thân anh T cũng có chứng minh thư thì lý do gì mà anh D không chuyển trả cho anh T vào sổ chứng minh thư của anh T mà phải chuyển qua chứng minh thư của anh A, việc anh D và anh A có vay nợ nhau và anh D có chuyển tiền qua chứng minh thư của anh A thì anh T cũng không hề biết, anh D cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc anh có trả 200.000.000đ cho anh T thông qua sổ chứng minh thư của anh A, do vậy không phát sinh nghĩa vụ trả nợ giữa anh D và anh T, mặt khác nội dung giấy vay tiền giữa anh T và anh D có ghi *“Hôm nay ngày 11/01/2017 tôi Đào văn d có vay của anh Cháng xin t 200.000.000đ thời hạn vay 01 năm từ ngày 11/01/2017 đến ngày 11/01/2018 đến hôm nay ngày 22/3 tôi quá hạn nhưng chưa trả được tôi xin ra hạn thêm 01 tháng đến ngày 24/4/2018 tôi hoàn trả đầy đủ số tiền 200.000.000đ. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật”*, như vậy giấy vay tiền hai bên có thỏa t gia hạn là đến ngày 24/4/2018 mới phát sinh nghĩa vụ trả nợ còn số tiền 200.000.000đ anh D chuyển qua chứng minh thư của anh A là ngày 11/5/2017, vậy số tiền mà anh D chuyển qua chứng minh thư của anh A trước ngày phát sinh nghĩa vụ trả nợ giữa hai bên, nên anh D cho rằng mình có chuyển số tiền 200.000.000đ cho anh A để trả cho anh T là không có cơ sở, không phù hợp về thời gian, hoàn toàn mâu thuẫn nhau.

[3.3] Phía anh A xác nhận là số tiền 200.000.000đ là anh D vay của anh trước đó vào khoảng tháng 11/2016, thực chất là tiền đưa cho anh D để anh D xin việc cho đi làm, khi đưa tiền có cả chị gái anh A cùng đi hai bên có làm giấy tờ nhưng khi anh D đã trả tiền thì anh A không lưu giữ lại tờ giấy đó, anh D bác bỏ việc này, thấy rằng việc anh D chuyển số tiền 200.000.000đ qua chứng minh thư của anh A là giao dịch giữa hai bên không liên quan đến anh T, anh D cũng không chứng minh được mình chuyển số tiền 200.000.000đ này qua sổ chứng minh thư của anh A để trả cho anh T, do vậy không làm phát quyền và nghĩa vụ của người thứ ba là anh Nhè văn a, do vậy không có căn cứ để xem xét giải quyết quyền và nghĩa vụ của người thứ ba; Nếu anh D cho rằng mình không vay tiền anh A mà số tiền 200.000.000đ là anh chuyển trả cho anh T thông qua chứng minh thư của anh A thì anh D sẽ cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan để đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét về hành vi của anh A hoặc khởi kiện yêu cầu anh A phải trả cho mình khoản tiền này.

[3.4] Đối với yêu cầu của anh Đào văn d đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ vụ án để anh yêu cầu cơ quan có thẩm quyền điều tra vụ việc giữa anh, anh T và anh A. Thấy rằng giao dịch vay tiền giữa anh T và anh D không liên quan đến khoản tiền mà anh D đã trả cho anh A, mặt khác đây không phải là yêu cầu phản tố và cũng không thuộc các căn cứ quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy yêu cầu của anh D không được chấp nhận.

[3.5] Về nghĩa vụ trả nợ: Giữa anh T và anh D thực hiện giao dịch vay tiền hai bên có làm giấy biên nhận ghi khoản tiền vay gốc là 200.000.000đ không thỏa t về lãi suất, quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh T chỉ đề nghị anh D trả số tiền gốc không yêu cầu phải trả lãi, thấy rằng đề nghị của anh T chỉ yêu cầu anh D trả tiền gốc là 200.000.000đ không tính lãi suất là tự nguyện nên cần chấp nhận, vậy áp dụng Điều 466; khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự. Buộc anh Đào văn d phải có trách nhiệm trả cho anh Cháng xín t số tiền gốc là 200.000.000đ, anh D không phải chịu lãi suất.

[3.6] Sau khi xem xét ý kiến tranh luận của các bên Hội đồng xét xử chấp nhận và đồng t với quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tố tụng cũng như về nội dung vụ án, chấp nhận ý kiến của nguyên đơn Tráng Xín T yêu cầu anh D phải trả cho mình số tiền 200.000.000đ, không chấp nhận ý kiến của bị đơn Đào văn d cho rằng mình đã trả số tiền này cho anh Cháng xín t.

[3.7] Anh Đào văn d phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của anh Cháng xín t (Cháng Văn T).

- Buộc anh Đào văn d, địa chỉ: Thôn Làng K, xã Đ, huyện VX, tỉnh H phải có trách nhiệm trả số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) cho anh Cháng Xín Chung (Cháng Văn T); Địa chỉ: Thôn Bản V, xã Hữu V, huyện Yên M, tỉnh H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, và có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải trả cho bên được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

* **Về án phí:** Anh Đào văn d phải chịu 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, anh Cháng Xín T không phải chịu án phí dân sự

sơ thẩm có giá ngạch, trả lại cho anh Cháng xin t (Cháng Văn T) 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện VX, tỉnh H, theo biên lai số 01923 ngày 14/6/2018.

*** Quyền kháng cáo:** Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh H;
- VKSND huyện VX;
- Chi cục THADS huyện VX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh P